CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
		TỔNG CỘNG						***444 417***	***111 695***	***332 722***		
I	**CẢNG CHÍNH**							**182 520**	**37 594**	**144 926**		
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***33 750***	***33 474***	***276***		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	16/7	467/7	26/7	QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	22 791	9	22/7	HỘ LỚN
2		ĐẠM NINH BÌNH	21/7	474/7	31/7	NB 8611	CÁM 4A.1	3 100	3 040	60	22/7	HỘ LỚN
3		XNK THAN	20/7	1845/7	30/7	VINACOMIN 03-01	CÁM 5A.1	3 150	3 002	148	22/7	PTCB
4		CROMIT THANH HÓA	20/7	1839/7	30/7	MINH TÂN 68	CÁM 5A.1	3 700	3 644	56	22/7	PTCB
5		KDT MIỀN BẮC	22/7	1862/7	29/7	BN 2519	CÁM 1	1 000	997	3	22/7	TD
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***73 230***	***4 120***	***69 110***		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	20/7	472/7		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250		41 250		HỘ LỚN
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	464/7		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.1	29 300	2 396	26 904	RÓT DỞ	HỘ LỚN
3		CROMIT THANH HÓA	21/7	1847	28/7	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 130	682	448	RÓT DỞ	TD
4		KDT MIỀN BẮC	21/7	1849/7	31/7	HP 5925	CÁM 5B.1	1 550	1 042	508		PTCB
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***75 540***		***75 540***		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	20/7	471/7		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750		HỘ LỚN
3		KDT MIỀN BẮC	22/7	1852/7	31/7	STAR CITY	CÁM 5A.1	16 800		16 800		PTCB
							CÁM 5B.1	4 500		4 500		PTCB
4		VT & KDT	16/7	1743/7	23/7	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160		1 160		TD
5		KDT MIỀN BẮC	18/7	1684/7	25/7	BN 2397	CỤC 4A.2	1 000		1 000		TD
6		THAN MIỀN TRUNG	18/7	1656/6	25/7	Á ĐÔNG 36 (BN 1789)	CỤC XÔ 1C	1 500		1 500		TD
7		TCT ĐÔNG BẮC	19/7	1761B/7	26/7	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD
8		CPVT THỦY	22/7	1854/7	29/7	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD
	Tàu chuyển tải							**122 040**	**39 513**	**82 527**		
	Tàu đã làm hàng							***20 700***	***20 523***	***177***		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	462/7		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700	20 523	177	23/7	HỘ LỚN
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***73 650***	***18 990***	***54 660***		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	466/7		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000	3 890	19 110	DỞ	HỘ LỚN
2		CN TCT PHÁT ĐIỆN 3- CTY CP	15/7	465/7		TRƯỜNG NGUYÊN STAR	CÁM 6A.14	23 300	13 000	10 300	DỞ	HỘ LỚN
3		ĐIỆN VĨNH TÂN	18/7	470/7		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 350	2 100	25 250	DỞ	HỘ LỚN
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***27 690***		***27 690***		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	463/7		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 690		27 690		HỘ LỚN
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**42 695**	**9 387**	**33 308**		
	Tàu đã làm hàng							***2 964***	***2 901***	***63***		
1		CROMIT THANH HÓA	22/7	1861/7	31/7	TH 0686	CÁM 7C	964	956	8	22/7	PTCB
2		KDT MIỀN BẮC	20/7	1843/7	27/7	BN 1336	CỤC XÔ 1B	900	896	4	22/7	TD
3		KDT MIỀN BẮC	21/7	1848/7	28/7	HP 4845	CÁM 8B	1 100	1 048	52	22/7	TD
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***15 608***	***6 486***	***9 122***		
1		KDT MIỀN BẮC	17/7	1817/7	27/7	NB 8715	CÁM 7B	3 350	1 555	1 795	RỐT DỞ	PTCB
2		KDT MIỀN BẮC	20/7	1837/7	30/7	BN 2638	CÁM 7C	1 923	1 107	816	RỐT DỞ	PTCB
3		DVVT QUẢNG NINH	16/7	1806/7	23/7	BN 2999	CÁM 8A	2 500	1 261	1 239	RỐT DỞ	TD
4		KDT MIỀN BẮC	20/7	1844/7	27/7	BN 2728	CÁM 7C	2 585	663	1 922	RỐT DỞ	TD
5		CP VT THUỶ	18/7	1823/7	25/7	HƯNG THỊNH 26	CÁM 8A	2 250	1 158	1 092	RỐT DỞ	TD
6		CP HẰNG HẢI VIỆT NAM	20/7	1842/7	27/7	NA 8989	CÁM 8A	1 500	742,8 6	757	RỐT DỞ	TD
7		ĐT TM & DV	18/7	1756/7	25/7	BN 2579	CỤC XÔ 1A	1 500		1 500		TD
	Tàu đã làm lệnh							***24 123***		***24 123***		
1		CP XNK THAN	18/7	1824/7	28/7	VIỆT THUẬN TĐ 01	CÁM 7B	5 312		5 312		PTCB
2		XNK THAN	20/7	1838/7	30/7	BN 2058	CÁM 7B	1 100		1 100		PTCB
3		KDT MIỀN BẮC	21/7	1850/7	31/7	BN 2012	CÁM 7C	1 972		1 972		PTCB
4		KDT MIỀN BẮC	22/7	1856/7	31/7	HP 6559	CÁM 7C	1 636		1 636		PTCB
5		TCT ĐÔNG BẮC	16/7	1794/7	23/7	HP 6093	CÁM 8A	2 048		2 048		TD
6		ĐTTM&DV	16/7	1798/7	23/7	FLJ777	CÁM 8A	2 350		2 350		TD
7		THÁI SƠN HP	17/7	1816/7	24/7	BN 2112	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD
8		XNK THAN	17/7	1815/7	24/7	QN 8068	CỤC XÔ 1A	970		970		TD
9		ĐT TM & DV	18/7	1659/6	25/7	BN 2646	CỤC XÔ 1C	1 175		1 175		TD
10		TCT ĐÔNG BẮC	18/7	1757/7	25/7	NB 8530	CỤC XÔ 1A	1 150		1 150		TD
11		ĐT TM & DV	18/7	1662/6	25/7	BN 1309	CỤC XÔ 1B	1 128		1 128		TD

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
12		TNV-HẢI DƯƠNG	20/7	1836/7	27/7	HẢI ÂU 199	CÁM 8A	2 300		2 300		TD
13		SX & TM THAN UÔNG BÍ	22/7	1858/7	29/7	QN 8389	CÁM 8A	1 982		1 982		TD
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							-	-	-		
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu dự kiến rót trong ngày											
	Tàu đã làm lệnh											
IV	**KHO CẢNG KM6**							**26 562**	**11 502**	**15 060**		
	Tàu đã làm hàng							***8 492***	***8 433***	***59***		
1		DVVT QUẢNG NINH	19/7	1832/7	26/7	QN 8660	BÙN 3C	1 600	1 587	13	22/7	TD
2		XNK THAN	20/7	1834/7	30/7	HOÀNG ANH 668	CÁM 5B.1	4 292	4 251	41	22/7	PTCB
3		KDT MIỀN BẮC	22/7	1853/7	31/7	NĐ 3586	CÁM 5B.1	2 600	2 594	6	22/7	PTCB
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***10 156***	***3 069***	***7 087***		
1		KDT MIỀN BẮC	22/7	1855/7	31/7	HD 7989	CÁM 5B.1	1 850	1 199	651	RỐT DỞ	PTCB
2		XNK THAN	22/7	1860/7	31/7	NHẬT MINH 69	CÁM 6A.1	3 570	1 870	1 700	RỐT DỞ	PTCB
3		KDT MIỀN BẮC	22/7	1857/7	31/7	NB 8104	CÁM 5B.1	2 360		2 360		PTCB
4		KHO VẬN ĐÁ BẠC	22/7	1859/7	31/7	VIỆT NHẬT 19	CÁM 6B.1	2 376		2 376		CHUYỂN VÙNG
	Tàu đã làm lệnh							***7 914***		***7 914***		
1		CROMIT THANH HÓA	20/7	1841/7	30/7	KHÁNH MINH 19	CÁM 5A.1	2 370		2 370		PTCB
2		KHO VẬN ĐÁ BẠC	22/7	1851/7	31/7	HD 3965	CÁM 6B.1	5 544		5 544		CHUYỂN VÙNG
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**35 500**	-	**35 500**		
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu dự kiến rót trong ngày											
	Tàu đã làm lệnh							***35 500***		***35 500***		
1		LÀO	15/7	60/7		HOÀNG PHƯƠNG LUCKY	CÁM 1	6 500		6 500		
2		INDONESIA	20/7	5119		VIỆT THUẬN 30-06	CỤC 5B.2	29 000		29 000		
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**35 100**	**13 700**	**21 400**		
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***23 000***	***13 700***	***9 300***		
1		MOZAMBIQUE	13/7	CLM		MV GRAND T		18 000	13 700	4 300	DỞ	
2		LÀO	17/7	5032		VIỆT THUẬN 235	Than Anthracite Lào	5 000		5 000		
	Tàu đã làm lệnh							***12 100***		***12 100***		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
1		LÀO	17/7	5031		VIỆT THUẬN 235-06	Than Anthracite Lào	12 100		12 100		
										0		
										0		
										0		
										0		
										0		

TTCO: 22.790,91
TTCO: 15.000 XNK: 10.000 KDTCP: 8.000 KVCP: 8.250
TTCO: 29.300
Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
TTCO: 22.750
GIA HẠN L1
GIA HẠN L2
GIA HẠN L3
Thay TBRT số 1761/7
TTHG:15.985,51 - KVCP:4.689,32

TTHG:18.000 - KVCP:5.000
KDTCP: 6000, CPXNKT: 10000, KVCP: 7300
KDTCP:6.000 XNKT: 15.000 KVCP:6.350
TTHG:22.500 - KVCP:5.690
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN: TN
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS,GIA HẠN LẦN 1
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN MD, GIA HẠN LẦN 3
NGUỒN ĐN-CS,GIA HẠN LẦN 1
NGUỒN CS,GIA HẠN LẦN 3

NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
TTCO: 6.500
KVĐB: 10.000 VD: 19.000
TTCO: 18.000
TTCO: 5.000

TTCO: 7.100, KVCP: 5.000